TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 766/2023/DS-PT
Ngày: 24-7-2023
V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Huỳnh Tú

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Đình Đức

2. Ông Lê Ngọc Tường

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Từ Thanh Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 369/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp thừa kế*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 234/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2589/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 9219/2023/QĐPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*:

1.1 Bà DNKA, sinh năm 1987;

1.2 Ông DAH, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số 114 Lô E, Chung cư K, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà NTTD, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: Số 1411 Tỉnh lộ 10, phường T2, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ khác: 170 OK, Phường D, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.(Theo Giấy ủy quyền số 00015292 lập ngày 27/5/2021 tại Văn phòng công chứng ĐS).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư LTBY và luật sư VM, thuộc Văn phòng luật sư T2 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: 170 OK, Phường D, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Bà VTB, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số 148 QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Thị Kim Phượng, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Số 115/1/51 đường NH, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 004607 lập ngày 23/4/2021 tại Văn phòng công chứng HTNY).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông NTD, sinh năm 1989;

Địa chỉ: B1712 Tòa B, Chung cư Z, số 4 đường TĐT, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông NTD có ông PMĐ, sinh năm 1991; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 301B Chung cư HBC, phường HBC, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 00002835 ngày 12/4/2022 tại Văn phòng công chứng NVP)

3.2 Ủy ban nhân dân Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 525/1/8 đường QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bà DNKA và ông DAH – Nguyên đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2012 nộp cho Tòa án nhân dân quận A ngày 15/10/2013; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2013 và đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2017; cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Cụ DĐ và bà LTKT kết hôn vào năm 1959, trong quá trình hôn nhân có một con chung duy nhất là ông DLH. Ông DLH có hai người con là bà DNKA và ông DAH. Ngày 14/8/2001, ông DLH chết. Ngày 27/02/2011, bà LTKT chết. Trong thời kỳ hôn nhân, cụ DĐ và bà LTKTcó tạo lập một tài sản là căn nhà và đất tại địa chỉ số: 148 (số cũ: 162), đường Quang Trung, Phường B0, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là "Căn nhà"); theo Giấy chứng nhận số H00178/26884 do UBND quận A cấp cho Cụ DĐngày 12 tháng 7 năm 2005.

Ngày 21/6/2012, Cụ DĐ chết để lại di sản thừa kế là Căn nhà cho Bà VTB, theo Di chúc lập ngày 27 tháng 7 năm 2007 tại UBND Phường B0, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là "Di chúc").

Bà DNKA và ông DAH nhận thấy Căn nhà là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ DĐ và bà LTKT. Hôn nhân của cụ DĐ và bà LTKT vẫn tồn tại cho đến ngày hai ông bà qua đời. Cho nên, Cụ DĐ không thể tự mình lập Di chúc định đoạt toàn bộ tài sản là Căn nhà cho bà VTB.

Do đó, Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố Di chúc vô hiệu toàn phần;

- Chia di sản của cụ DĐ và bà LTKT là Căn nhà theo quy định pháp luật. Buộc bà VTB phải giao trả toàn bộ Căn nhà cho bà DNKA và ông DAH được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Vì ông DLH là người thừa kế duy nhất của cụ DĐ và bà LTKT. Ông DLH chết trước cụ DĐ và bà LTKT, nên con của ông DLH là bà DNKA và ông DAH sẽ là người thừa kế thế vị của ông DLH, để hưởng di sản thừa kế do cụ DĐ và bà LTKT để lại.

Bị đơn bà VTB trình bày: Bà VTB không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ DĐ đã lập Di chúc để lại toàn bộ tài sản là căn nhà cho bà. Di chúc được lập hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật. Vì căn nhà là tài sản riêng của cụ Dương Đôi, do một mình cụ DĐ tạo lập, không liên quan đến bà LTKT. Do đó, đề nghị Tòa án công nhận Di chúc nêu trên.

Ủy ban nhân dân Phường B, quận A Thành phố Hồ Chí Minh có bà V là đại diện ủy quyền trình bày: Ngày 27/7/2007, UBND Phường B thực hiện chứng thực Di chúc cho Cụ DĐ là đúng quy định pháp luật. Đề nghị, Tòa án căn cứ theo quy định của Pháp luật để giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải giao trả lại tài sản thừa kế cho nguyên đơn là Căn nhà tại địa chỉ số: 148 (số cũ: 162), đường Quang Trung, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bởi lẽ, Di chúc của Cụ DĐ lập ngày 27/7/2007 tại UBND Phường B có số chứng thực 08/2007, quyển 01/2007/TP/CC/DCCT để lại Căn nhà cho bà VTB là vô hiệu toàn phần.

Ngày 18/7/2018, Tòa án nhân dân quận A đã xét xử sơ thẩm lần thứ nhất đối với vụ án nêu trên theo bản án số 310/2018/DS-ST.

Ngày 19/7/2018, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 30/7/2018, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 30/7/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm lần thứ nhất theo bản án số 1066/2018/DS-PT.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 30/11/2018, Bà VTB có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm số 1066/2018/DS-PT ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15/01/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành giám đốc thẩm xét xử vụ án nêu trên theo Quyết định giám đốc thẩm số 33/2021/DS-GĐT. Quyết định giám đốc thẩm đã hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 1066/2018/DS-PT ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án dân sự sơ thẩm số 310/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân quận A. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 01/3/2021 Tòa án nhân dân quận A thụ lý giải quyết lại theo số thụ lý 70/2021/TLST-DS. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Bà NTTD trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu tuyên bố di chúc ngày 27/7/2007 do Cụ DĐ lập vô hiệu toàn phần;

- Chia di sản của cụ DĐ và bà LTKT là Căn nhà theo quy định pháp luật. Buộc bà VTB phải giao trả toàn bộ Căn nhà cho bà DNKA và ông DAH được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Vì ông DLH là người thừa kế duy nhất của cụ DĐ và bà LTKT. Ông DLH chết trước cụ DĐ và bà LTKT, nên con của ông DLH là bà DNKA và ông DAH sẽ là người thừa kế thế vị của ông DLH, để hưởng di sản thừa kế do cụ DĐ và bà LTKT để lại.

Phía nguyên đơn cũng xác nhận, tài sản là nhà đất tại địa chỉ số 148 QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã được bán đấu giá để thi hành án. Phía nguyên đơn đã nhận được số tiền tương đương với giá trị phần di sản được hưởng theo bản án dân sự phúc thẩm số 1066/2018/DS-PT ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất với lời trình bày của Bà NTTD, yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà VTB và người đại diện theo ủy quyền là bà PTKP thống nhất trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Di chúc của cụ DĐ lập ngày 27/7/2007 là hợp pháp, có người làm chứng và được Ủy ban nhân dân Phường B, quận A chứng thực. Do đó, bà VTB được hưởng toàn bộ di sản mà cụ DĐ để lại là nhà và đất tại số 148 QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phía bị đơn xác nhận, Chi cục thi hành án dân sự quận A đã thi hành bản án số 1066/2018/DS-PT 30/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, do không đồng ý với bản án nêu trên nên bà VTB không nhận số tiền tương đương với phần giá trị di sản mà bà được hưởng theo bản án phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông NTD trình bày: Ông là người trúng đấu giá đối với tài sản là nhà đất tại số 148 QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với giá là 29.125.000.000 đồng. Hiện nay, ông đang quản lý, sử dụng tài sản nêu trên. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Phường B, quận A: Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân quận A không có ý kiến cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông VM và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà NTTD thống nhất trình bày: Yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa để tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của cụ DĐ trên di chúc ngày 27/7/2007 với lý do: Phía nguyên đơn nhận thấy chữ ký của cụ DĐ trên di chúc ngày 27/7/2007 khác với chữ ký tại các văn bản khác khi Cụ DĐ còn sống. Đồng thời, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn từ chối trình bày cũng như tranh luận về mặt nội dung của vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà TTKP trình bày: Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Và yêu cầu được hưởng di sản của Cụ DĐ là nhà đất tại số 148 QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo di chúc lập ngày 27/7/2007.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 234/2022/DSST ngày 01/8/2022 của Toà án nhân dân quận A, thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà DNKA và ông DAH, cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu tuyên bố Di chúc của cụ DĐ lập ngày 27/7/2007 có số chứng thực 08/2007 quyển 01/2007/TP/CC/DCCT tại UBND Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ DĐ và bà LTKT theo pháp luật.

3. Bà DNKA và ông DAH có nghĩa vụ phải trả lại cho bà VTB số tiền được thi hành án là 14.500.000.000 đồng.

Bà VTB liên hệ với Chi cục thi hành án quận A để đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- chi nhánh Gia Định để nhận số tiền từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, mã tài khoản 6400630028890.

Căn cứ theo công văn số: 2998/CCTHADS ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận A gồm các chi phí cưỡng chế thi hành án như kê biên, thẩm định giá, phí bán đấu giá, phí cưỡng chế, phí thuê kho bà VTBkhông phải chịu.

Chi cục thi hành án dân sự quận A có nghĩa vụ bàn giao các tài sản thu giữ của bà VTBgiao lại cho bà Bảnh.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà VTB được miễn án phí.

- Bà DNKA và ông DAH không phải chịu án phí. Hoàn lại án phí cho bà DNKA, ông DAH số tiền 125.954.182 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2022, đại diện nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 18/5/2023, đại diện nguyên đơn thay đổi kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

- Tuyên bản di chúc của ông DĐ có số chứng thực 08/2007 quyển số 01/2007/TP/CC/DCCT lập ngày 27/7/2007 tại UBND Phường B0, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là di chúc không hợp pháp.

- Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông DĐ và vợ là bà LTKT theo pháp luật cho bà DNKA và ông DAH là thừa kế thế vị của ông DLH. Tuy nhiên, do căn nhà và đất tại địa chỉ 148 (số cũ 162) đường QT,Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã được bán đấu giá nên nguyên đơn bà DNKA và ông DAH yêu cầu được nhận toàn bộ giá trị nhà đất tương đương với giá trị tại thời điểm cơ quan thi hành án dân sự quận A bán đấu giá tài sản ngày 20/12/2019 với số tiền là 29.125.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh từ ngày bán đấu giá 20/12/2019 mà Chi cục thi hành án dân sự quận A đã gửi vào ngân hàng, trừ đi số tiền mà phía nguyên đơn đã được chi trả trong quá trình thi hành án.

Ngày 12/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận A có quyết định kháng nghị số 09/QĐKNPT kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 234/2022/DSST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân quận A, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo:

- Bản di chúc của ông DĐ có số chứng thực 08/2007 quyển số 01/2007/TP/CC/DCCT ngày 27/7/2007 tại UBND Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là di chúc không hợp pháp, bởi lẽ:

+ Tại kết luận giám định số 809/KL-KTHS ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận "Chữ ký đứng tên ông DĐ dưới mục "Người lập di chúc" trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên ông DĐ trên các tài liệu mẫu so sánh không phải là do cùng một người ký ra".

+ Bản di chúc gồm nhiều trang nhưng không được đánh số thứ tự, không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc.

+ Khi lập di chúc ông DĐ đã hơn 80 tuổi, nhưng việc căn cứ giấy khám sức khỏe để khẳng định ông còn minh mẫn, sáng suốt thì chưa đủ yếu tố để xác định về mặt sức khỏe của ông DĐ.

+ Bản di chúc bị chỉnh sửa thông tin sau khi người lập di chúc đã chết.

+ Lời khai của những người làm chứng không đúng như bản di chúc đã lập.

+ Ý chí thật sự của ông DĐ về việc định đoạt di sản của mình cần được xem xét: Vào ngày 06/07/2006, ông DĐ đã ký hợp đồng tặng cho toàn bộ nhà đất tranh chấp cho bà VTB tại Phòng công chứng số 05 Thành phố Hồ Chí Minh, ông DĐ đã đóng thuế đầy đủ, hồ sơ thủ tục tặng cho đã hoàn tất chờ đăng bộ thì chỉ vài tháng sau, vào ngày 25/06/2007, ông DĐ đã quyết định ký Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nói trên, chấm dứt ý định tặng cho nhà đất cho bà VTB. Điều này chứng tỏ ngay khi còn sống khỏe mạnh và minh mẫn, ông DĐ đã không có ý định để lại nhà đất cho bà VTB, vậy thì không có lý do gì ông lại tự nguyện lập Di chúc ngay sau khi đã hủy hợp đồng tặng cho để lại tài sản cho bà VTB.

- Quan điểm về nội dung của Bản án sơ thẩm:

+ Bản án Sơ thẩm cũng như nhận định tại Quyết định số 145/2020/KN-DS: Nhận định nhà đất tại địa chỉ số 148 (số cũ: 162) đường QT, Phường B, Quận A, TP.HCM là tài sản riêng của ông DĐ vì bà LTKT là vợ ông DĐ đã không còn sống cùng địa chỉ với ông DĐ tại thời điểm ngày 09/10/1979 khi ông DĐ được bà NTY tặng cho nhà đất là không có căn cứ. Bởi vì, theo quy định của pháp luật, quan hệ vợ chồng chỉ chấm dứt khi có một người đã chết hoặc đã có bản án ly hôn của Toà án đã có hiệu lực pháp luật. Ở đây vào thời điểm ông DĐ được tặng cho nhà đất như đã nói ở trên, giữa ông DĐ và bà LTKT vẫn còn mối quan hệ vợ chồng.

+ Nhà và đất tại số 148 (số cũ 162) QT, Phường B, quận A có nguồn gốc theo như ông DĐ trình bày là căn cứ quân nhu của quân đội Sài Gòn, nhà bỏ hoang, còn tường và nền thì ông DĐ xin sửa chữa lại để cả gia đình ở. Ngày 27/11/1986, UBND quận A cấp giấy phép hợp thức hoá số 662 – GP – UBQ cho ông DĐ là chủ sở hữu căn nhà. Ngày 01/07/1992, ông DĐ được UBND quận A cấp giấy chứng nhận tạm thời số 1497/GCN-RĐ, đồng thời ông Đôi còn được Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép khởi công xây dựng nhà ở số 2170/GPKC 92 ngày 29/7/1992 cho ông DĐ. Vậy, căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân năm 1959 có hiệu lực ở miền Nam từ ngày 25/3/1977 thì: "Vợ chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới", do đó nhà và đất tại số 148 (số cũ 162) QT, Phường B, Quận A được xác định là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông và bà LTKT.

Việc ông DĐ khai là độc thân khi đang có vợ là bà LTKT với cơ quan chức năng trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất, dẫn đến việc UBND quận A cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ở cho một mình ông DĐ là không đúng.

- Về yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn: Do di chúc không hợp pháp nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 675 Bộ luật Dân sự 2005 thì việc chia thừa kế di sản là căn nhà và đất trên sẽ được chia theo pháp luật. Người thừa kế theo pháp luật của cụ DĐ và cụ LTKT được xác định là người thừa kế thế vị, là hai cháu nội của hai cụ là bà DNKA và ông DAH, bởi vì ông DĐ và bà LTKT chỉ có một người con duy nhất là ông DLH, nhưng ông DLH đã chết trước ông DĐ, bà LTKT.

- Về yêu cầu được nhận toàn bộ giá trị tài sản tranh chấp: Đây là yêu cầu hoàn toàn hợp lý và có đủ điều kiện để chấp nhận căn nhà và đất tại địa chỉ 148 (số cũ 162) đường QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã được bán đấu giá thành công cho người thứ ba là ông NTD nên nguyên đơn bà DNKA và ông DAH yêu cầu được nhận toàn bộ giá trị nhà đất tương đương với giá trị tại thời điểm cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự quận A bán đấu giá tài sản thành công ngày 20/12/2019 với số tiền là 29.125.000.000 đồng trừ đi số tiền mà phía nguyên đơn đã được chi trả trong quá trình thi hành án, đồng thời tính tiền lãi phát sinh trên số tiền mà Chi cục thi hành án dân sự quận A đã gửi vào ngân hàng từ ngày 20/12/2019 cho đến ngày Chi cục Thi hành án dân sự trả cho nguyên đơn.

Từ các lý lẽ đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn và sửa toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 234/2022/DS-ST ngày 01/08/2022 của Tòa án nhân dân quận A theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất với ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung kháng nghị: Tại Quyết định kháng nghị số 09/QĐKNPT ngày 12/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận A kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm với nội dung:

2.1. Nguyên đơn có nghi ngờ về việc chữ ký trên di chúc không phải là của cụ ông DĐ và yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ ký này là có cơ sở vì đây là một trong các quyền của đương sự được quy định tại khoản 7 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2.2. Chi cục Thi hành án dân sự quận A và Công ty đấu giá hợp danh NV là cơ quan tổ chức tiến hành thi hành bản án của Toà án. Bản án tuyên về các nghĩa vụ của Chi cục thi hành án dân sự quận A phải thực hiện trong Bản án mà không đưa Cơ quan này vào tham gia tố tụng với vai trò là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm quy định khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2.3. Về án phí: Bản án tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố Di chúc của Cụ DĐ ngày 27/7/2007 vô hiệu nhưng không buộc nguyên đơn chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận là không đúng khoản 2 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

2.4. Tòa án xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Phường B0 quận A nhưng lại ghi nhận nội dung "Ủy ban nhân dân quận A không có ý kiến cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của mình" nên không đúng chủ thể.

Đối với nội dung kháng nghị tại mục 2.1 của quyết định kháng nghị: tại cấp phúc thẩm Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định theo yêu cầu của nguyên đơn và đã có Kết luận giám định số 809/KL-KTHS ngày 29/3/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó nội dung kháng nghị này đã được cấp phúc thẩm khắc phục nên không còn cần thiết.

Đối với nội dung kháng nghị tại mục 2.2: Nhận thấy: Chi cục Thi hành án dân sự quận A và Công ty Đấu giá hợp danh Nam Việt chỉ là tổ chức tiến hành thi hành bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo quy định của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Không có quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ các quan hệ tranh chấp của các đương sự nên không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ "tranh chấp chia thừa kế" giữa các đương sự. Do đó Bản án sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là phù hợp.

Đối với nội dung kháng nghị tại mục 2.3 về án phí: Vụ án đã được Tòa án nhân dân quận A thụ lý từ năm 2013 theo Thông báo thụ lý vụ án số 119/2013/TLST-DS ngày 25/02/2013. Bản án tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố Di chúc của Cụ DĐ ngày 27/7/2007 vô hiệu nhưng không buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch

là không đúng theo quy định tại Điều 10, Điều 1. Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Khoản 2 Điều 24; khoản 1, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận A kháng nghị Bản án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của nguyên đơn không đúng là có cơ sở.

Đối với nội dung kháng nghị tại mục 2.4: Bản án xác định và đưa đúng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Phường B0 quận A tuy nhiên tại phần nội dung bản án có ghi nhầm lẫn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân quận A nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung của vụ án. Do đó nội dung kháng nghị này là không cần thiết.

- Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

+ Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu giám định chữ ký chữ viết của ông DĐ trên bản di chúc nhưng Tòa án nhân dân quận A không ra quyết định trưng cầu giám định. Tại cấp phúc thẩm đã chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của nguyên đơn.

+ Về nguồn gốc nhà đất: Bản án dân sự sơ thẩm xác định nhà đất tại địa chỉ số 148 (số cũ là 162) đường QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là do Cụ DĐ được tặng cho riêng trong thời gian không còn sống chung với cụ LTKT là có căn cứ.

+ Xét Di chúc do Cụ DĐ lập ngày 27/7/2007, nhận thấy:

Theo kết luận giám định số 809/KL-KTHS ngày 29/3/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận "chữ ký đứng tên DĐ dưới mục "người lập di chúc" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên DĐ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là không phải do cùng một người ký ra". Căn cứ để cơ quan ra kết luận giám định chữ ký trên tài liệu cần giám định là "Di chúc" đề ngày 27/7/2007 (Ký hiệu A), mẫu so sánh là 02 tài liệu gồm: Hợp đồng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) số 058008/HĐ-TCQSDĐ, số công chứng 15207, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD, đề ngày 06/7/2006 (Ký hiệu M1) và Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) số 16798, quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD, đề ngày 25/6/2007 (Ký hiệu M2).

Tài liệu mẫu để so sánh được thu thập và giám định tại Phòng công chứng số 5, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn thừa nhận chữ ký trên 02 Hợp đồng này là của cụ DĐ, như vậy có cơ sở xác định chữ ký trên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/7/2006 và Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/6/2007 là chữ ký do Cụ DĐký.

Tài liệu cần giám định là Di chúc ngày 27/7/2007 của cụ DĐ, nhận thấy Di chúc được lập thành văn bản, có 02 người làm chứng là ông TDT và ông TVB, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường B, quận A chứng thực và có lưu trữ tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận A. Tuy nhiên cả ông TDT và ông TVB đều khẳng định không có mặt tại Ủy ban nhân dân Phường B để chứng kiến sự việc ông DĐ lập Di chúc. Như vậy di chúc có người làm chứng và có chứng thực lập không đúng theo quy định tại Điều 652, 658 Bộ luật dân sự năm 2005. Đồng thời theo Kết luận giám định thì chữ ký trên bản Di chúc và chữ ký trên tài liệu so sánh là văn bản công chứng không phải do cùng một người ký ra. Do đó có căn cứ xác định di chúc ngày 27/7/2007 của Cụ DĐ là vô hiệu. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu tuyên di chúc vô hiệu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn: Do có căn cứ tuyên bố Di chúc vô hiệu, nên có cơ sở giải quyết yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn theo pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn do không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không yêu cầu xem xét công sức đóng góp, chăm sóc, sửa chữa nhà và gìn giữ di sản. Tuy nhiên xét bị đơn đã sống chung với Cụ DĐ từ nhỏ, có công chăm sóc, lo ma chay cho cụ DĐ, sửa chữa, bảo quản giữ gìn di sản của Cụ DĐ nên khi giải quyết chia thừa kế cần xem xét đến công sức cho bị đơn. Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm thu thập chứng cứ mới là trích lục hồ sơ, tài liệu tại Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh lý lịch của ông DĐ, trong đó có bản bổ sung tự kể chuyện của ông DĐ về quan hệ con nuôi nên cần làm rõ quan hệ này. Để đảm bảo hai cấp xét xử cũng như quyền kháng cáo của các đương sự cần hủy bản án sơ thẩm để giao cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí minh rút một phần Quyết định kháng nghị số 09/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Gò Vấp đối với các nội dung tại mục 2.1, 2.2, 2.4. Giữ một phần quyết định kháng nghị tại mục 2.3 và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận A Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và căn cứ khoản 03 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 234/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của Toà án nhân dân quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông NTD (có ông PMĐ làm đại diện), Ủy ban nhân dân Phường B, quận A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[2.1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh:

Tại Quyết định kháng nghị số 09/QĐKNPT ngày 12/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận A kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm với nội dung:

[2.1.1] Nguyên đơn có nghi ngờ về việc chữ ký trên di chúc không phải là của cụ ông DĐ và yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ ký này là có cơ sở vì đây là một trong các quyền của đương sự được quy định tại khoản 7 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2.1.2] Chi cục Thi hành án dân sự quận A và Công ty đấu giá hợp danh Nam Việt là cơ quan tổ chức tiến hành thi hành bản án của Toà án. Bản án tuyên về các nghĩa vụ của Chi cục thi hành án dân sự quận A phải thực hiện trong Bản án mà không đưa Cơ quan này vào tham gia tố tụng với vai trò là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm quy định khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2.1.3] Về án phí: Bản án tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố Di chúc của Cụ DĐ ngày 27/7/2007 vô hiệu nhưng không buộc nguyên đơn chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận là không đúng khoản 2 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[2.1.4] Tòa án xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân Phường B quận A nhưng lại ghi nhận nội dung "Ủy ban nhân dân quận A không có ý kiến cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của mình" nên không đúng chủ thể.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần Quyết định kháng nghị số 09/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Gò Vấp đối với các nội dung tại mục 2.1, 2.2, 2.4. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các nội dung kháng nghị này.

Xét nội dung kháng nghị tại mục 2.3 về án phí: Vụ án đã được Tòa án nhân dân quận A thụ lý từ năm 2013 theo Thông báo thụ lý vụ án số 119/2013/TLST-DS ngày 25/02/2013. Bản án tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về

việc tuyên bố di chúc của Cụ DĐ ngày 27/7/2007 vô hiệu nhưng không buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là không đúng theo quy định tại Điều 10, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Khoản 2 Điều 24; khoản 1, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Do đó, kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân quận A là có cơ sở.

[2.2] Xét kháng cáo của các nguyên đơn cho rằng Tòa sơ thẩm xác định căn nhà 148 QT là tài sản riêng của ông Đôi và chia thừa kế ông DĐ theo Di chúc là đã giải quyết vụ án không đúng quy định pháp luật.

[2.2.1] Về xác định quyền sở hữu đối với di sản thừa kế là nhà đất tại số 148 QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về quan hệ hôn nhân giữa cụ DĐ và cụ LTKT: Cụ DĐ và cụ LTKT, kết hôn vào năm 1959 cho đến năm 1976 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Thời điểm này, cụ DĐ và cụ LTKT không có tài sản chung. Đến năm 1979, cụ DĐ nộp đơn xin ly hôn với cụ LTKT tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 03/10/1979, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định xếp số 5, với lý do: "*Xét bị đơn bà LTKTkhông còn ngụ tại địa chỉ: 66 BV, Quận M nữa, giấy báo của Tòa án bị hoàn lại với lý do bà LTKT đi không để lại địa chỉ, Tòa án không thể mời bị đơn được và nguyên đơn DĐ cũng đồng ý xếp vụ kiện lại chờ địa chỉ bị đơn. Do đó, quyết định: Xếp hồ sơ vụ kiện ly hôn giữa cụ DĐ và cụ LTKT*".

Theo bản khai nhân khẩu của bà LTKT (bút lục 532) và của ông DLH (bút lục 543) thể hiện bà LTKT và ông DLH chuyển về địa chỉ 66 BV, Phường B7 Quận M thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 8/1976. Ông DĐ nộp đơn xin ly hôn bà LTKTvà được Toà án thụ lý đơn ly hôn số 06 ngày 21/4/1979. Như vậy từ tháng 8/1976, cụ DĐ và cụ LTKT đã không còn chung sống với nhau.

- Về nhà đất tại số 148 QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong vụ án thể hiện nhà và đất tại số 148 QT, Phường B, quận A trên diện tích 324,9 m^2 đất do Ủy ban nhân dân quận A cấp cho Cụ DĐ ngày 12/7/2005 có nguồn gốc của ông NNL và bà NTY. Nhà đất này thuộc diện quản lý của Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/10/1979, bà Nguyễn Thị Yến lập văn bản tặng cho nhà đất cho Cụ DĐ với nội dung: "Tôi là vợ NTY, vợ chồng tôi đã tự xây dựng nhà, toàn bộ nguyên vật liệu tự lo xây dựng lên nhà số 162 đường QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số 4 phòng, diện tích sử dụng 134,60 m^2, diện tích sử dụng chính 85,10 m^2, diện tích đất 1.759 m^2 trong đó có 20 cái mã vô danh diện tích 200 m^2. Đến ngày 30/4/1975 giải phóng vì hoàn cảnh gia đình, tôi và các con về Phường B0, quận Bình Thạnh, số nhà 346 đường LQĐ, nhà đất dở trống hết, chỉ

còn nền và tường nhà. Tôi NTY n, đồng ý cho ông DĐ thiếu tá Quân đội trưởng A sửa lại ở và được quyền sử dụng toàn bộ cái nhà 162 và số đất. Kính mong ủy ban và nhà đất xét chuyển quyền sở hữu cái nhà tôi cho ông DĐ". Trên cơ sở văn bản tặng cho ngày 09/10/1979, Cụ DĐ được Phòng Hậu cần - Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1981. Đến năm 1986, Cụ DĐ làm đơn xin hợp thức hóa nhà đất và đến ngày 27/11/1986, Cụ DĐđược Ủy ban nhân dân quận A cấp giấy phép hợp thức hóa nhà đất nêu trên. Tại bản kê khai nhà đất năm 1999 và đơn xin cấp giấy chứng nhận năm 2005 ông Đôi khai quan hệ hôn nhân là độc thân nên nhà nước cấp chủ quyền nhà đất cho ông Đôi không có tên bà LTKT. Như vậy khi bà NTY tặng cho đất cho ông DĐ, ông DĐ xây dựng nhà, được được Phòng Hậu cần - Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1981, và ngày 27/11/1986, Cụ DĐ được Ủy ban nhân dân quận A cấp giấy phép hợp thức hóa nhà đất nêu trên thì bà LTKT đã không còn chung sống với ông DĐ. Năm 1992, Cụ DĐ được Ủy ban nhân dân quận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời số 1497/GCN-RĐ ngày 01/7/1992 với diện tích đất là 1.031 m^2, đồng thời Cụ DĐ còn được Sở xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép khởi công xây dựng nhà ở số 2170/GPKC92 ngày 29/7/1992. Năm 1999, Cụ DĐ đăng ký kê khai nhà đất có khuôn viên diện tích 965 m^2 đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ H00178/26884 đứng tên cụ DĐ.

Do đó, có đủ cơ sở xác định nhà và đất tại địa chỉ số 148 QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của Cụ DĐ được bà NTY cho tặng riêng, cụ LTKT không có đóng góp gì nên không thể xét của chồng công vợ, kháng cáo của nguyên đơn về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2.2] Về tính hợp pháp của bản di chúc ngày 27/7/2007 có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh vào sổ chứng thực số 08/2007, quyển 01/2007/TP/CC/DCCT:

Theo kết luận giám định số 809/KL-KTHS ngày 29/3/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận "chữ ký đứng tên DĐ dưới mục "người lập di chúc" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên DĐ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là không phải do cùng một người ký ra". Căn cứ để cơ quan giám định ra kết luận giám định chữ ký trên tài liệu cần giám định là "Di chúc" đề ngày 27/7/2007 (Ký hiệu A), mẫu so sánh là 02 tài liệu gồm: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) số 058008/HĐ-TCQSDĐ, số công chứng 15207, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD, đề ngày 06/7/2006 tại Phòng Công chứng số 5 (Ký hiệu M1) và Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có tài sản gắn

liền với đất) số 16798, quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD, đề ngày 25/6/2007 tại Phòng Công chứng số 5 (Ký hiệu M2); Tài liệu mẫu so sánh để giám định được thu thập tại Phòng công chứng số 5.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn thừa nhận chữ ký trên 02 hợp đồng này là của cụ DĐ, như vậy có cơ sở xác định chữ ký trên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/7/2006 và Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/6/2007 là chữ ký do Cụ DĐ ký, còn chữ ký tại di chúc lập ngày 27/7/2007 không phải là của cụ DĐ.

Di chúc lập ngày 27/7/2007 được lập thành văn bản, có 02 người làm chứng là ông Trần Duy Trường và ông Trần Văn Bé, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường B, quận A chứng thực và có lưu trữ tại Ủy ban nhân dân dân Phường B0, quận A. Tuy nhiên, cả ông Trường và ông Bé đều khẳng định không có mặt tại Ủy ban nhân dân Phường B0 để chứng kiến sự việc ông Đôi lập di chúc, đồng thời như đã nhận định nêu trên thì chữ ký trong di chúc lập ngày 27/7/2007 không phải là của cụ Dương Đôi. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc tuyên di chúc lập ngày 27/7/2007 có số chứng thực 08/2007 quyển số 01/2007/TP/CC/DCCT tại Ủy ban nhân dân Phường B0, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là di chúc không hợp pháp. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn đề nghị xác định Di chúc lập ngày 27/7/2007 không hợp pháp là có cơ sở chấp nhận.

Do di chúc lập ngày 27/7/2007 không hợp pháp, nên di sản của cụ DĐsẽ được chia theo pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 675 Bộ luật Dân sự 2005.

[2.2.3] Về di sản thừa kế: Như đã nhận định tại mục [2.3.1] thì di sản cụ DĐđể lại là căn nhà và đất tại địa chỉ số: 148 (số cũ: 162), đường Quang Trung, Phường B0, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; theo Giấy chứng nhận số H00178/26884 do Ủy ban nhân dân quận A cấp cho Cụ DĐngày 12 tháng 7 năm 2005.

[2.2.4] Hàng thừa kế theo pháp luật và thời điểm mở thừa kế của cụ Dương Đôi:

- Về quan hệ huyết thống: Căn cứ giấy xác nhận số 65/GXN/BTC ngày 12/9/2016 của Ban tổ chức Quận ủy Gò Vấp; trích sao chứng tử của ông NTDVăn Lánh, bà Đặng thị Biếu cha mẹ của ông NTDĐôi; Giấy chứng tử của bà Lê Thị Kim Thoa; Giấy chứng tử của ông NTDLê Hòa; Giấy khai sinh của bà DNKA và Ông DAH. Xác định cha, mẹ, vợ, con của ông NTDĐôi đã chết trước ông Đôi. Như vậy, bà Anh và ông Hoàng (con ông NTDLê Hòa) là người thừa kế thế vị của cụ Dương Đôi.

- Về quan hệ con nuôi:

+ Theo xác nhận ngày 15/01/1977 của Ban Chỉ huy quân sự quận A xác nhận: "*Bà VTB là con ruột của chị Dương Thị Lanh chị ruột của đồng chí Dương Đôi thiếu tá quận đội trưởng quận A, bà chị đã hứa cho đồng chí Dương Đôi khi cháu chưa sinh năm 1954.*"

+ Bản bổ sung tự kể chuyện ông NTDĐôi được được Bộ tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 16/11/1980, phần II về tình hình gia đình có nội dung: *"Chị ruột thứ 3 đã cho 1 cháu gái Võ Thị Bảnh (1954) tự là Dương Hồng Phương.... Địa chỉ báo tin cho con là Võ Thị Bảnh, số nhà 162 đường Quang Trung, phường 9, quận A"*.

+ Bản tự nhận xét của ông NTDĐôi được Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 31/12/1980, phần nhận xét của cấp ủy và cán bộ phụ trách nhận xét: *"Riêng có vấn đề con nuôi (Võ Thị Bảnh) suốt 02 năm bị vợ ghen tuông, làm nhiều đơn tố cáo, có ảnh hưởng đến công tác của đồng chí và vấn đề con gái nuôi này, tổ chức mới biết khi có sự ghen tuông của vợ đồng chí"*.

+ Tại đơn đăng ký nhà chính thức quyền sở hữu ngày 22/10/1986 của ông Đôi có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường B0, quận A ngày 29/10/1086 ông Đôi kê khai các nguyên liệu trong quá trình xây dựng nhà. Bà VTBcó ghi phía dưới đơn là người kế thừa con, đồng ý như bản trên.

Mục 1 phần III Thông tư 81/TANDTC năm 1981 quy định: *"con nuôi được thừa kế phải là con nuôi hợp pháp, tức là việc nuôi con nuôi phải được Ủy ban nhân dân cơ sở nơi trú quán của người nuôi hoặc của đứa trẻ công nhận và ghi vào sổ hộ tịch (Điều 24 Luật hôn nhân và gia đình). Tuy nhiên, trong thực tế có những trường hợp nhân dân chưa hiểu pháp luật cho nên chưa xin chính quyền công nhận và đăng ký vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi. Trong trường hợp này, nếu việc nhận con nuôi là ngay thẳng, cha mẹ đẻ của đứa trẻ hoàn toàn tự nguyện, việc nuôi dưỡng đứa trẻ được bảo đảm, thì coi là con nuôi thực tế. Con nuôi và bố nuôi có quyền thừa kế lẫn nhau..."*

Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ và quy định trên có cơ sở xác định bà VTBlà con nuôi cụ DĐnên được quyền thừa kế di sản của cụ DĐđể lại.

Do đó, căn cứ quy định tại Điều 676, Điều 677 Bộ luật Dân sự 2005 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ DĐlà Bà VTB (con nuôi), bà DNKA và Ông DAH (con ông NTDLê Hòa) là người thừa kế thế vị.

[2.2.5] Về phân chia di sản thừa kế:

Xét công sức đóng góp tôn tạo di sản, chăm sóc nuôi dưỡng người để lại di sản: Từ khi cụ DĐ chết, bà VTB là người quản lý di sản. Bà VTB không yêu cầu

cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của bà vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế (vì cho rằng Căn nhà là tài sản thuộc sở hữu của bà do hưởng thừa kế theo Di chúc). Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy bà VTB được cụ DĐ nhận nuôi dưỡng từ nhỏ, cùng sống chung nhà với cụ Đôi, có tình cảm chăm sóc như cha con. Từ năm 1976, cụ Thoa và con là ông Lê Hòa đã không ở cùng cụ DĐ mà chuyển về Quận C sinh sống. Quá trình cụ DĐ xây dựng, sửa chữa nhà bà VTB cũng ở cùng cụ DĐ và có đóng góp công sức, tiền bạc để xây dựng sửa chữa nhà và khi cụ DĐ già yếu thì bà VTB là người duy nhất chăm sóc cụ DĐ. Do đó, cần áp dụng tinh thần án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 06/4/2016 để xem xét công sức đóng góp quản lý, tôn tạo di sản cho bà VTB bằng với 1 suất thừa kế theo pháp luật là 1/3 giá trị di sản.

Như vậy, phân chia di sản thừa kế của cụ DĐ là căn nhà và đất tại địa chỉ số: 148 (số cũ: 162), đường Quang Trung, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Bà DNKA và ông DHA (là người thừa kế thế vị) được hưởng chia thừa kế theo pháp luật là 1/3 giá trị nhà đất.

- Bà VTB (con nuôi) được chia thừa kế theo pháp luật là 1/3 giá trị nhà đất.

- Bà VTB được hưởng công sức đóng góp tôn tạo di sản, chăm sóc nuôi dưỡng người để lại di sản là 1/3 giá trị nhà đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về việc thi hành án đối với bản án số 1066/2018/DS-PT ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo công văn số 2998/CCTHADS, ngày 07/5/2021 thì Chi cục Thi hành án dân sự đã có quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 1673/QĐ-CCTHADS ngày 19/12/2018. Theo đó, do Bà VTB không tự nguyện thi hành án nên ngày 28/5/2019, Chấp hành viên đã tiến hành kê biên phát mãi di sản thừa kế là nhà đất tọa lạc tại số 148 QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 20/12/2019, Ông NTD đã mua tài sản nêu trên với giá 29.125.000 đồng. Ngày 02/6/2020, Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã cưỡng chế giao nhà xong cho người mua trúng đấu giá. Như vậy, di sản thừa kế là nhà đất số 148 QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã được bán đấu giá. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông NTD là người trúng đấu giá. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 103 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì Ông NTD được bảo vệ quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà và đất tại số 148 QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó; bà DNHA, ông DAH, bà VTB chỉ được quyền nhận giá trị tương đương với giá trị của di sản thừa kế tại thời điểm cơ quan thi hành án dân sự quận A bán đấu giá tài sản ngày 20/12/2019 sau khi trừ các chi phí cưỡng chế thi hành

án như kê biên, thẩm định giá, bán đấu giá, cưỡng chế, thuê kho và căn cứ công văn 2988 thì các chi phí cưỡng chế thi hành án như kê biên, thẩm định giá, phí bán đấu giá, phí cưỡng chế, phí thuê kho đã trích từ tiền bán tài sản để thanh toán.

Quá trình thi hành án, bà DNKA và ông DAH là người được thi hành án và đã được Chi cục Thi hành án dân sự quận A chi trả số tiền 14.500.000.000 đồng. (i)

Do bà VTB không nhận số tiền còn lại nên Chi cục Thi hành án dân sự Quận A đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Gia Định theo các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số: 24/2020/HĐTG/NHNNo-THAGV ngày 22/6/2020, mã tài khoản: 6400630027868; 29/2020/HĐTG/NHNNo-THAGV ngày 03/7/2020, mã tài khoản 6400630027930; 6/2021/HĐTG/NHNNo-THAGV ngày 10/3/2021, mã tài khoản 6400630028890. Tại Công văn số 1056/NHNoGĐ-KTKSNB ngày 19/7/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Định thì tổng số tiền gửi (gồm gốc và lãi) đến thời điểm ngày 24/7/2023 tại các tài khoản 6400630027868, 6400630027930, 6400630028890 là: 8.781.351.851 + 1.100.709.800 + 6.396.587.341 = 16.278.648.992 đồng. (ii)

Như vậy, giá trị di sản là: (i) + (ii) = 14.500.000.000 + 16.278.648.992 = 30.778.648.992 đồng. Di sản được phân chia như sau:

- Bà DNKA và ông DAH (là người thừa kế thế vị) được chia thừa kế theo pháp luật là: 30.778648.992 : 3 = 10.259.549.664 đồng.

- Bà VTB được chia thừa kế theo pháp luật là: 30.778.648.992 : 3 = 10.259.549.664 đồng.

- Bà VTB được hưởng công sức đóng góp là: 30.778.648.992 : 3 = 10.259.549.664 đồng.

Quá trình thi hành án, bà DNKA và ông DAH đã được Chi cục Thi hành án dân sự quận A chi trả số tiền 14.500.000.000 đồng. Do đó, bà DNKA và ông DAH có nghĩa vụ phải trả lại cho Bà VTB số tiền được thi hành án là 4.240.450.356 đồng.

Bà VTB liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự quận A để đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Định để nhận số tiền gốc và lãi từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, mã tài khoản 6400630027868, 6400630027930, 6400630028890.

[2.3] Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét chấp nhận chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận A và sửa án theo hướng phân tích trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà DNKA và ông DAH được chia 10.259.549.664 đồng, nên phải chịu án phí là 118.259.550 đồng. Quá trình thi hành bản án số 1066/2018/DS-PT ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì bà DNKA và ông DAH đã nộp tiền án phí 125.954.182 đồng nên hoàn lại cho bà Anh, ông Hoàng số tiền 7.694.632 đồng.

Bà VTB là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Áp dụng án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà DNKA và ông DAH.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về án phí.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về: Yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ ký ông DĐ; đưa Chi cục thi hành án dân sự quận A và Công ty đấu giá hợp danh Nam Việt tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và nội dung không đúng chủ thể: "Ủy ban nhân dân quận A không có ý kiến cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của mình".

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 234/2022/DSST ngày 01/8/2022 của Toà án nhân dân quận A, thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố Di chúc của Cụ DĐ lập ngày 27/7/2007 có số chứng thực 08/2007, quyển 01/2007/TP/CC/DCCT tại UBND Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ LTKT theo pháp luật.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của Cụ DĐ theo pháp luật.

3.1. Xác định di sản thừa kế của Cụ DĐ là căn nhà và đất tại địa chỉ số 148 (số cũ: 162), đường QT, Phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nhà đất đã được Chi cục Thi hành án dân sự quận A bán đấu giá và giá trị tính đến thời điểm xét xử là 30.778.648.992 đồng), được phân chia như sau:

- Bà DNKA và ông DAH được chia kế theo pháp luật (1/3 giá trị nhà đất) là: 10.259.549.664 (Mười tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn) đồng.

- Bà VTB được chia thừa kế theo pháp luật (1/3 giá trị nhà đất) là: 10.259.549.664 (Mười tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn) đồng.

- Bà VTB được hưởng công sức đóng góp (1/3 giá trị nhà đất) là: 10.259.549.664 (Mười tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn) đồng.

3.2. Do bà DNKA và ông DAH đã được Chi cục Thi hành án dân sự quận A chi trả số tiền 14.500.000.000 đồng. Do đó, bà DNKA và ông DAH có nghĩa vụ phải trả lại cho bà VTB số tiền được thi hành án là 4.240.450.356 (Bốn tỷ, hai trăm bốn mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, ba trăm năm mươi sáu) đồng.

3.3. Bà VTB liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự quận A để đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Định nhận số tiền gốc và lãi từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số: 24/2020/HĐTG/NHNNo-THAGV ngày 22/6/2020, mã tài khoản: 6400630027868; 29/2020/HĐTG/NHNNo-THAGV ngày 03/7/2020, mã tài khoản 6400630027930; 6/2021/HĐTG/NHNNo-THAGV ngày 10/3/2021, mã tài khoản 6400630028890.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chi cục Thi hành án dân sự quận A có nghĩa vụ bàn giao các tài sản thu giữ của Bà VTB giao lại cho bà Bảnh.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà DNKA và ông DAH được chia 10.259.549.664 đồng, nên phải chịu án phí là 118.259.550 đồng. Quá trình thi hành bản án số 1066/2018/DS-PT ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì bà DNKA và ông DAH đã nộp tiền án phí 125.954.182 đồng nên hoàn lại cho bà DNKA và ông DAH số tiền 7.694.632 (Bảy triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi hai) đồng.

Bà VTB là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà DNKA và ông DAH không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà DNKA và ông DAH số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0049077 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận A, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận A, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Huỳnh Tú